

Vietnam Daily Review

Nhà đầu tư "nghỉ lễ" sớm?

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/4/2022	•		
Tuần 25/4-29/4/2022	•		
Tháng 4/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hôm nay là một phiên giao dịch khá nhàm chán khi nhà đầu tư mất hút, để lại khối lượng giao dịch sụt giảm đáng kể. Cả ngày hôm nay thị trường giằng co quanh vùng 1350 và cuối ngày kết phiên giảm gần 3 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 7/19 ngành tăng điểm, tuy nhiên do nhóm VN30 số mã giảm tương đối lớn đã khiến chỉ số VN-Index không có động lực tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, nếu khối lượng giao dịch vẫn tiếp tục let đẹt thì VN-Index khả năng khó có thể bật lên vùng kháng cự tiếp theo là 1380.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL VN30F2205 và VN30F2206 giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30, hai HĐ còn lại vận động trái chiều. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/04/2022, các chứng quyền giằng co thiên về chiều giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): FPT_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **-2.78** điểm, đóng cửa **1350.99** điểm. HNX-Index **+3.11** điểm, đóng cửa **360.20** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BCM (+1.33)**, **HPG (+0.68)**, **TCB (+0.63)**, **VPB (+0.62)**, **FPT (+0.59)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.54)**, **MSN (-0.87)**, **SAB (-0.63)**, **BID (-0.63)**, **VHM (-0.54)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12.261** tỷ đồng, giảm **-5.81%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13.309 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 13.97 điểm. Thị trường có **240** mã tăng, **66** mã tham chiếu và **186** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-307.58** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-212.78 tỷ)**, **DGC (-61.05 tỷ)**, **DIG (-32.92 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.22** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1350.99**
Giá trị: 12260.91 tỷ **-2.78 (-0.21%)**
Khối ngoại (ròng): -307.58 tỷ

HNX-INDEX **360.20**
Giá trị: 1476.34 tỷ **3.11 (0.87%)**
Khối ngoại (ròng): -1.22 tỷ

UPCOM-INDEX **102.69**
Giá trị: 0.63 tỷ **1.32 (1.3%)**
Khối ngoại(ròng): 1.93 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	101.8	-0.23%
Giá vàng	1,888	0.08%
Tỷ giá USD/VND	22,954	-0.10%
Tỷ giá EUR/VND	24,170	-0.21%
Tỷ giá JPY/VND	17,572	-2.25%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	17.31%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	121.0	VHM	-212.8
NLG	72.7	DGC	-61.1
HDB	33.0	DIG	-32.9
VCB	21.9	VND	-21.2
HDG	18.8	HBC	-19.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 28/04

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	102.02	0.31%	-0.17%	-1.35%	59.76%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	105.15	0.15%	-1.54%	-3.96%	57.46%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.45	3.39%	5.09%	8.00%	66.59%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1885.71	-1.04%	-3.66%	-1.95%	5.86%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.30	-0.79%	-7.46%	-6.21%	-10.97%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1726.50	1.25%	-1.16%	3.74%	10.83%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1091.25	-0.34%	-0.57%	3.78%	50.47%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.31	0.00%	0.16%	8.48%	37.81%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	246.90	-1.28%	-7.87%	-4.04%	7.82%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	1367.00	0.00%	0.00%	-1.23%	3.88%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	16.66	-0.54%	3.77%	4.39%	26.55%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	216.25	-2.33%	-1.17%	0.79%	49.86%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.45	0.30%	-4.42%	-5.54%	-0.99%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	5053.00	0.72%	-2.15%	0.36%	-5.23%		
Nhôm	USD/ton	3109.00	0.91%	-4.89%	-13.97%	29.54%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	137.00	0.37%	-6.48%	-7.12%	-29.02%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	325.00	-1.07%	1.25%	24.52%	249.09%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô WTI của Mỹ giảm 0,24% xuống 101,73 USD/thùng ngày 28/4. Giá dầu thô Brent giao tháng 7 cũng giảm 0,32% xuống 104,53 USD/thùng.
- Giá dầu thô tăng nhẹ trong phiên giao dịch ngày 26/4, nhờ lo ngại về nguồn cung thắt chặt trên toàn cầu sau khi tồn kho xăng và sản phẩm chưng cất khác của Mỹ tiếp tục giảm.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay phiên giao dịch ngày 28/4 giảm 0,05% xuống 1.885,58 USD/ounce . Giá vàng giao tháng 6 cũng giảm 0,12% xuống 1.886,4 USD.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất hơn hai tháng trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (27/4), vì đồng USD duy trì đà tăng với triển vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đẩy mạnh thắt chặt chính sách tiền tệ.

Giá cao su

- Giá cao su giao kỳ hạn tháng 5/2022 tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo ghi nhận mức 246,9 yen/kg, tăng 0,04% (tương đương 0,1 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 5/2022 được điều chỉnh lên mức 12.485 nhân dân tệ/tấn, tăng 0,24% (tương đương 30 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá đường trắng giao tháng 8 phiên này tiếp tục giảm 0,60 USD, tương đương 0,1% xuống 520,50 USD/tấn.
- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 5/2022 được ghi nhận tại mức 2.021 USD/tấn sau khi giảm 0,64% (tương đương 13 USD).

	28/4	% 28/4	27/4	% 27/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1350.99	-0.21%	1353.77	0.93%	-1.40%	-8.91%
S&P 500			4183.96	0.21%	-6.18%	-7.90%
HĐTL S&P500	4249.25	1.65%	4180.25	0.23%	-3.22%	-6.98%
Shang- hai	2975.49	0.58%	2958.28	2.49%	-3.39%	-7.37%
Euro Stoxx	3805.75	1.90%	3734.64	0.36%	-3.11%	-1.60%

Phân tích kỹ thuật
FPT_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD đang ở dưới đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Xu hướng hồi phục

Nhận định: FPT có một phiên tăng điểm tốt tuy nhiên thanh khoản cổ phiếu chưa vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Đường MACD hiện vẫn đang ở dưới đường tín hiệu tuy nhiên chỉ RSI đang cho thấy xu hướng hồi phục trở lại. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA50 và MA100 tuy nhiên vẫn đang ở dưới đường MA20. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 105.5, chốt lãi tại ngưỡng 118.9 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 100.0.



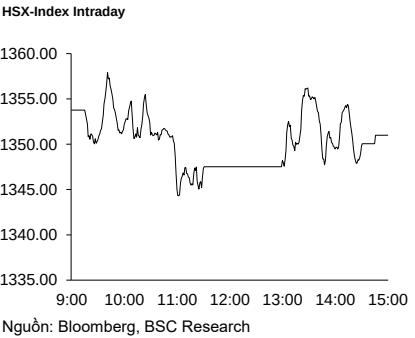
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

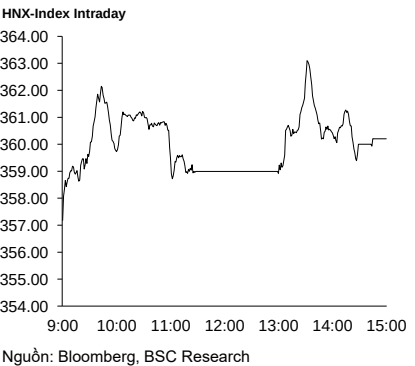
Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	2.37%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.30%
Tài nguyên Cơ bản	1.18%
Xây dựng và Vật liệu	0.58%
Y tế	0.28%
Hóa chất	0.19%
Bất động sản	0.18%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	-0.09%
Ngân hàng	-0.10%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.21%
Ô tô và phụ tùng	-0.34%
Bán lẻ	-0.77%
Dầu khí	-0.98%
Dịch vụ tài chính	-0.99%
Truyền thông	-1.03%
Thực phẩm và đồ uống	-1.21%
Bảo hiểm	-1.40%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.51%

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

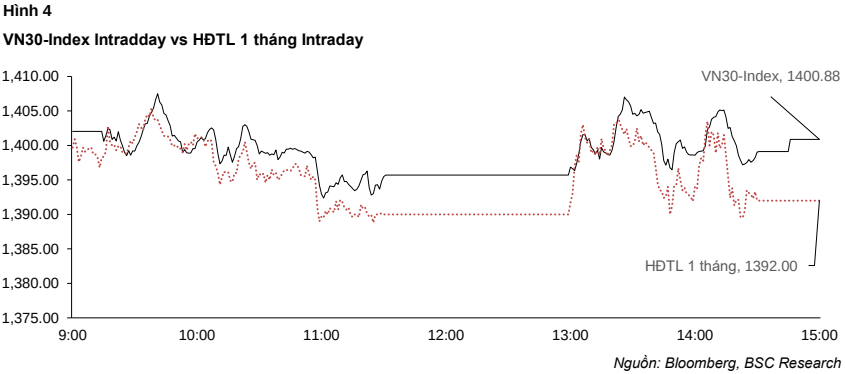
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	43.1	1	1.41%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
4/26/2022	REE	73.9	84	69	79.1	2	7.04%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
4/1/2022	SIP	140	163	134	SL	11	-4.29%
3/31/2022	VNM	80.9	95	76.8	SL	12	-5.07%
3/29/2022	MSH	86.2	101	80.2	TP	17	17.17%
3/28/2022	GMD	56.3	63.2	53	SL	15	-5.86%
3/24/2022	BMP	61	68	58.9	SL	32	-3.44%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	0	4.22%	0.00%	4.22%	2
Cổ phiếu đã chốt	243	208	7.22%	-7.58%	4.32%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1392.00	-0.64%	-8.88	-21.5%	244,675	5/19/2022	19
VN30F2206	1394.70	-0.45%	-6.18	16.8%	598	6/16/2022	47
VN30F2209	1391.00	0.72%	-9.88	-23.1%	60	9/15/2022	138
VN30F2212	1392.00	1.10%	-8.88	-43.8%	27	12/15/2022	229

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm co giảm -1.15 điểm xuống 1400.88 điểm. Các cổ phiếu như MSN, TPB, MWG, STB, SSI đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. VN30 có thể duy trì xu hướng vận động trong vùng 1350-1400 điểm trong phiên giao dịch ngày mai. Thanh khoản tiếp tục ở mức thấp cho thấy tâm lý giao dịch thận trọng. Xu hướng vận động tăng hoặc giảm của VN30 sẽ được xác định rõ ràng trong phiên giao dịch ngày mai.
- Các HDTL VN30F2205 và VN30F2206 giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30, hai HĐ còn lại vận động trái chiều. Xét về KLGD, chỉ VN30F2206 đều tăng, các HĐ còn lại giảm. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2206 và VN30F2212 tăng, hai HĐ còn lại giảm. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2116	7/6/2022	69	4:1	13,200	30.61%	2,830	790	107.89%	1	1,313.75	62,010	61,410	43,100
CHPG2117	7/1/2022	64	5:1	445,500	30.61%	2,320	190	18.75%	1	335.04	66,900	60,000	43,100
CFPT2108	7/6/2022	69	6:1	68,100	23.99%	3,280	2,300	10.05%	537	4.28	109,835	106,835	105,500
CHPG2203	9/20/2022	145	4:1	1,001,300	30.61%	2,200	1,000	8.70%	142	7.06	81,500	51,500	43,100
CHPG2206	8/15/2022	109	8:1	507,900	30.61%	1,000	530	8.16%	75	7.03	49,928	48,888	43,100
CACB2202	6/9/2022	42	3:1	27,200	23.21%	2,150	420	7.69%	15	27.82	37,650	35,100	31,000
CFPT2203	8/1/2022	95	10:1	894,400	23.99%	3,800	4,680	5.88%	1,100	4.25	102,500	95,000	105,500
CHDB2203	8/15/2022	109	3:1	99,600	35.93%	1,100	560	5.66%	147	3.80	31,588	28,888	25,200
CFPT2201	9/20/2022	145	5:1	230,700	23.99%	2,100	1,740	4.19%	1,178	1.48	118,800	106,000	105,500
CHDB2202	6/9/2022	42	5:1	30,600	35.93%	2,220	570	3.64%	4	127.11	31,100	30,500	25,200
CHDB2201	9/21/2022	146	8:1	63,400	35.93%	1,500	600	3.45%	49	12.16	37,959	30,999	25,200
CHPG2201	10/21/2022	176	10:1	191,400	30.61%	1,300	690	2.99%	109	6.35	73,866	49,666	43,100
CHPG2204	6/24/2022	57	5:1	231,400	30.61%	1,900	1,080	1.89%	155	6.97	54,500	44,500	43,100
CFPT2202	6/24/2022	57	8:1	111,600	23.99%	1,700	2,040	0.49%	1,823	1.12	101,540	89,700	105,500
CACB2201	9/20/2022	145	4:1	123,700	23.21%	1,500	730	0.00%	115	6.34	47,980	35,500	31,000
CHPG2202	9/21/2022	146	10:1	85,900	30.61%	1,100	530	0.00%	37	14.32	116,488	53,888	43,100
CKDH2201	10/5/2022	160	4:1	164,700	35.10%	1,500	510	0.00%	182	2.80	62,178	61,618	47,000
CFPT2111	5/24/2022	26	8:1	91,500	23.99%	1,990	1,070	-2.73%	199	5.39	107,680	106,000	105,500
CHPG2119	5/24/2022	26	2:1	82,300	30.61%	3,380	350	-10.26%	0	1,562.64	54,140	53,000	43,100
CACB2103	5/24/2022	26	1:1	81,100	23.21%	3,700	170	-15.00%	0	449.04	39,440	37,000	31,000
Tổng				4,532,300	29.09%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													
**Trung bình độ lệch chuẩn													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 28/04/2022, các chứng quyền giảm co thiên về chiều giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CHPG2114 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 261.45% và 107.89%. Giá trị giao dịch giảm -6.07%. CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 20.63% thị trường.
- CVPB2203, CVPB2202, CMSN2104, và CMWG2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2104, CMSN2108, CHPG2206, và CVNM2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2201, CFPT2202, và CPNJ2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	145.0	-1.5%	0.5	4,615	9.7	6,936	20.9	5.1	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	106.2	-0.7%	0.6	1,119	2.2	5,443	19.5	3.2	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	60.0	-2.4%	1.3	1,936	2.6	2,554	23.5	2.1	26.4%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	50.6	0.2%	0.5	515	0.2	3,644	13.9	1.5	58.0%	11.1%
VIC	Bất động sản	77.9	-0.1%	0.6	12,918	4.7	(690)	#N/A	2.9	12.6%	-2.8%
VRE	Bất động sản	29.9	-2.1%	1.1	2,949	4.6	401	74.5	2.2	30.9%	3.0%
VHM	Bất động sản	64.5	-0.8%	1.1	12,211	17.5	9,004	7.2	2.3	23.5%	36.9%
DXG	Bất động sản	35.7	-0.8%	1.4	943	8.0	1,942	18.4	2.4	31.6%	15.5%
SSI	Chứng khoán	33.5	-2.6%	1.6	1,446	9.2	3,023	11.1	2.2	37.2%	22.6%
VCI	Chứng khoán	40.0	-2.9%	1.0	579	2.8	4,884	8.2	1.9	18.7%	26.9%
HCM	Chứng khoán	26.6	-1.3%	1.5	529	2.7	2,619	10.2	1.6	42.3%	17.9%
FPT	Công nghệ	105.5	2.4%	0.9	4,163	11.5	5,152	20.5	5.0	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	79.1	0.1%	0.4	1,129	0.0	4,926	16.1	4.3	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	107.7	-3.0%	1.1	8,962	1.0	4,381	24.6	4.0	2.9%	17.4%
PLX	Dầu khí	47.8	-1.0%	1.5	2,641	1.3	2,344	20.4	2.4	17.2%	12.3%
PVS	Dầu khí	23.5	-2.1%	1.8	488	5.8	1,258	18.7	1.0	8.5%	5.0%
BSR	Dầu khí	21.5	0.0%	0.8	2,898	3.3	2,108	10.2	1.8	41.1%	19.1%
DHG	Dược	99.9	0.6%	0.2	568	0.2	6,105	16.4	3.7	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	66.4	2.9%	0.9	1,130	12.1	12,920	5.1	2.1	12.2%	50.2%
DCM	Hóa chất	38.0	3.5%	0.8	875	7.1	3,073	12.4	2.7	7.5%	23.7%
VCB	Ngân hàng	81.5	0.0%	0.9	16,770	2.0	4,632	17.6	3.5	23.6%	21.6%
BID	Ngân hàng	36.7	-1.3%	1.2	8,072	1.6	2,084	17.6	2.2	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	28.2	-0.4%	1.5	5,892	2.5	2,932	9.6	1.5	25.7%	15.8%
VPB	Ngân hàng	36.5	1.5%	1.2	7,055	17.5	3,874	9.4	1.9	17.5%	24.0%
MBB	Ngân hàng	29.5	-0.8%	1.2	4,838	8.1	3,623	8.1	1.7	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	31.0	0.3%	1.1	3,642	2.0	3,852	8.0	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	61.5	2.3%	0.6	219	0.2	2,619	23.5	2.2	85.6%	9.0%
NTP	Nhựa	50.4	-0.2%	0.4	258	0.2	3,990	12.6	2.1	17.9%	16.9%
MSR	Tài nguyên	26.2	4.0%	1.2	1,252	0.3	178	147.2	2.0	10.1%	1.4%
HPG	Thép	43.1	1.4%	1.1	8,382	25.5	7,166	6.0	2.1	21.6%	42.8%
HSG	Thép	28.4	-1.9%	1.4	608	4.1	8,581	3.3	1.2	6.8%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	74.3	-0.9%	0.7	6,751	6.2	4,518	16.4	4.7	54.4%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	165.0	-2.4%	0.8	4,600	0.3	5,969	27.6	4.9	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	116.5	-2.1%	0.9	7,176	4.3	6,048	19.3	5.0	28.6%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	18.3	-1.6%	1.4	501	1.0	1,135	16.1	1.4	8.6%	8.7%
ACV	Vận tải	88.0	0.1%	0.8	8,329	0.1	363	242.6	5.1	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	129.0	0.0%	1.1	3,038	2.2	185	695.5	4.1	16.9%	0.6%
HVN	Vận tải	21.7	-0.7%	1.7	2,089	0.9	(6,783)	N/A N/A	32.3	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	53.8	0.9%	1.0	705	6.2	2,256	23.9	2.5	44.0%	10.8%
PVT	Vận tải	19.4	-1.3%	1.3	273	1.9	2,088	9.3	1.2	11.1%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	102.7	-0.3%	0.7	714	0.4	10,538	9.7	3.4	3.4%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	46.1	1.1%	0.5	899	1.9	3,677	12.5	2.7	4.5%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.6	0.3%	0.9	309	0.9	783	23.7	1.4	2.1%	5.6%
CTD	Xây dựng	58.0	-1.4%	1.2	186	1.6	308	188.3	0.5	46.1%	0.3%
CII	Xây dựng	23.1	0.9%	1.2	253	5.2	1,266	18.2	1.1	10.4%	6.1%
REE	Điện	79.1	6.9%	-1.4	1,063	3.4	6,893	11.5	1.8	49.0%	15.0%
PC1	Điện	37.5	-1.3%	-0.4	383	2.1	3,014	12.4	1.9	5.1%	16.0%
POW	Điện	12.8	-1.2%	0.6	1,303	3.3	768	16.7	1.0	2.1%	6.3%
NT2	Điện	22.0	-1.8%	0.6	275	0.6	1,933	11.4	1.4	13.7%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	43.0	0.2%	1.4	1,076	7.3	1,590	27.0	1.8	19.2%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	83.0	6%	0.8	3,735	4.9	1,357	61.2	5.3	2.6%	8.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCM	83.00	6.14	1.27	1.35MLN
HPG	43.10	1.41	0.69	13.61MLN
VPB	36.50	1.53	0.64	11.13MLN
TCB	42.30	1.68	0.63	4.73MLN
FPT	105.50	2.43	0.58	2.53MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.62	215400	1.11MLN
MSN	0.00	-0.76	837600	607060
SAB	0.00	-0.66	43700	373600
BID	0.00	-0.65	974900	192700
VHM	0.00	-0.56	6.29MLN	611640

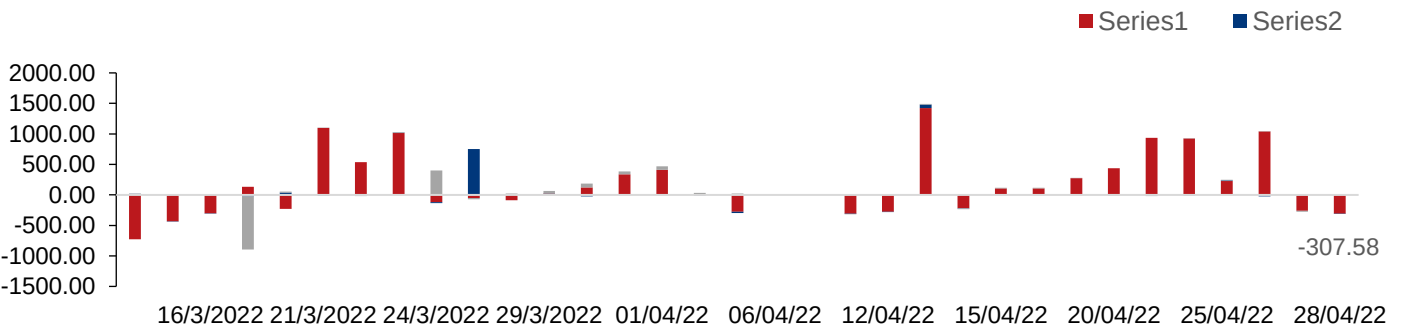
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VSH	30.60	6.99	0.12	118000.00
AAT	13.80	6.98	0.02	439600
PXS	6.61	6.96	0.01	494900
CIG	10.30	6.96	0.01	333400
LHG	43.90	6.94	0.04	646500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THI	27.15	-6.38	-0.02	2900
NHA	41.70	-6.29	-0.02	238600
COM	46.15	-5.53	-0.01	3100.00
HDC	70.10	-5.27	-0.09	759000
SCR	16.30	-4.40	-0.07	3.97MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	105.5	5,152	20.5	5.0	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	32.0	2,466	13.0	2.1	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	36.5	11,559	3.2	1.3	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.8	768	16.7	1.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	106.2	5,443	19.5	3.2	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	145.0	6,936	20.9	5.1	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.4	2,088	9.3	1.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	228.0	18,902	12.1	5.4	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	43.1	7,166	6.0	2.1	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	43.0	1,590	27.0	1.8	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	36.0	5,084	7.1	2.3	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	35.7	1,942	18.4	2.4	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	135.0	8,596	15.7	6.0	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	43.0	2,129	20.2	2.2	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	32.5	2,917	11.1	2.1	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	97.5	8,331	11.7	2.8	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	36.4	1,941	18.7	1.7	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.6	3,644	13.9	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.5	1,258	18.7	1.0	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	107.7	4,381	24.6	4.0	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	25.0	3,141	7.9	1.6	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	58.0	308	188.3	0.5	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	16.5	1,702	9.7	0.7	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	14.5	1,599	9.1	0.7	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	14.5	1,599	9.1	0.7	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	17.5	2,324	7.5	2.5	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	106.2	5,443	19.5	3.2	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	106.2	5,443	19.5	3.2	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	145.0	6,936	20.9	5.1	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	56.6	2,762	20.5	4.0	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	46.1	1,900	24.2	2.0	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	21.5	2,108	10.2	1.8	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	22.3	1,034	21.6	1.3	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	97.5	8,331	11.7	2.8	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	30.6	2,916	10.5	1.6	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.9	689	20.2	1.1	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	31.0	3,600	8.6	1.5	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	46.8	3499.1	13.4	2.0	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.0	1,933	11.4	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	107.7	4,381	24.6	4.0	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	36.5	11,559	3.2	1.3	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	47.0	1,781	26.4	3.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	74.3	4,518	16.4	4.7	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	105.5	5,152	20.5	5.0	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	29.9	401	74.5	2.2	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	228.0	18,902	12.1	5.4	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	43.9	6,244	7.0	1.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
3	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
5	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
6	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
8	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
10	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
13	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
14	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
15	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
17	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
20	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
23	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
30	Banking Sector Outlook		x	Click
31	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
32	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
33	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
34	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
35	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
36	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
37	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
38	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
39	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
40	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
41	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
42	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
43	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
44	Fishery Outlook 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639